TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H.T** **TỈNH T.N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/DS-ST
Ngày 19 tháng 10 năm 2018
Về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H.T, TỈNH T.N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trần Văn Thạch**

2/ Ông **Võ Quang Truyền**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Kim Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.T, tỉnh T.N tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Lâm Thúy Vi** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H.T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 425/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2018/QĐST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **L.T.C.L**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 25, đường N.Q, ấp L.H, xã T.T, huyện H.T, tỉnh T.N.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **C.D.L**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số nhà 25, đường N.Q, ấp L.H, xã T.T, huyện H.T, tỉnh T.N.

- *Bị đơn:* Chị **B.T.T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số nhà 27/1^{C}, Tổ 20, ấp T.P, xã T.T, huyện H.T, tỉnh T.N.

Đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh T.N.

Anh **L.P.Đ.T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số nhà 27/1^{C}, Tổ 20, ấp T.P, xã T.T, huyện H.T, tỉnh T.N.
Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 7 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị L.T.C.L, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà C.D.L trình bày:

Do quen biết nên chị L có tham gia hụi do chị T làm chủ, cụ thể như sau:

Hụi mệnh giá 500.000 đồng/tháng, gồm 34 phần, chị tham gia 02 phần, bắt đầu khui hụi ngày 19/7/2014 (al), chị đã hốt 01 phần đã đóng hụi chết xong, còn 01 phần hụi sống, chị đã đóng được 33 kỳ được số tiền 10.675.000 đồng, trong đó bản án hình sự số: 25/2018/HSST ngày 07/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện H.T, tỉnh T.N đã giải quyết buộc chị T trả cho chị 2.920.000 đồng, còn lại 7.755.000 đồng tách ra giải quyết dân sự.

Chị T làm chủ hụi không có lập danh sách hụi viên của từng dây hụi, nên không giao danh sách hụi viên cho chị cũng như các hụi viên khác, mỗi bên tự ghi sổ theo dõi, khi Công an tỉnh T.N điều tra vụ án hình sự chị T cũng thừa nhận còn nợ chị L tổng cộng tiền hụi là 10.675.000 đồng.

Anh T cũng biết chị T làm thảo hụi và biết chị L có tham gia hụi của chị T vì chị L có đến nhà chị T đóng hụi. Đến tháng 3/2017 (al) chị T tuyên bố vỡ hụi và bỏ trốn nên các hụi viên làm đơn tố cáo gửi Công an yêu cầu giải quyết về hành vi của chị T, khoảng hơn 01 tháng sau chị T trở về nhà thì bị Công an tỉnh T.N bắt tạm giam và bị khởi tố xử lý hình sự.

Chị L không kháng cáo bản án hình sự nên phần buộc chị T bồi thường thiệt hại cho chị số tiền 2.920.000 đồng có hiệu lực thi hành. Nay chị L yêu cầu vợ chồng chị T, anh T cùng có nghĩa vụ trả cho chị số tiền hụi gốc còn lại chưa được giải quyết là 7.755.000 đồng (bảy triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng), không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 18/9/2018 bị đơn chị B.T.T trình bày:

Chị T thừa nhận chị L có tham gia 01 phần hụi do chị làm chủ đúng như chị L đã trình bày. Sau khi vỡ hụi, chị còn nợ chị L tiền hụi gốc tổng cộng là 10.675.000 đồng, trong đó Bản án hình sự sơ thẩm đã xử buộc chị bồi thường cho chị L 2.920.000 đồng còn lại 7.755.000 đồng tách ra giải quyết dân sự. Số tiền chị chiếm dụng của các hụi viên sử dụng vào mục đích xoay sở tiền hụi, trả lãi tiền vay, mua đất vợ chồng cùng đứng tên, chi phí chung trong cuộc sống gia đình, lo cho con ăn học. Chị T đồng ý tự nhận trách nhiệm trả nợ cho chị L, không yêu cầu anh T liên đới trả vì anh T không biết chị chiếm dụng tiền hụi của chị L và các hụi viên khác.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 03/8/2018 bị đơn anh L.P.Đ.T trình bày:

Anh là chồng của chị T, vợ chồng chung sống từ năm 2002 đến nay, có đăng ký kết hôn và có 01 người con chung. Anh biết chị T làm chủ hụi khoảng 4 - 5 năm nay, nhưng không biết những hụi viên nào tham gia, gồm bao nhiêu dây hụi và mệnh giá của từng dây hụi, vì chủ yếu do chị T khui hụi, gom và giao tiền cho hụi viên, còn anh đi làm xa (ở Tân Biên) nên khoảng 3 - 4 ngày mới về nhà một lần. Trong số hụi viên tham gia chơi hụi do chị T làm chủ thì anh chỉ biết có 03 người ở huyện Tân Biên do làm chung gồm có: chị Thanh Thúy, chị Mỹ Hiền và anh Quốc Thắng, do chị T có kêu anh gom tiền hụi của 03 người này, ngoài ra anh không gom tiền hụi của người nào khác. Sau khi vỡ hụi anh chỉ biết còn nợ tiền hụi của 03 người này nhưng những người này không khởi kiện.

Trong thời gian chung sống, anh và chị T chỉ có tài sản chung tự tạo là diện tích đất ngang 04m, dài 18m trong chợ L.H trên đất có xây ki-ốt để chị T bán giày dép, mua năm 2016 giá 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), trong đó tiền anh mượn của người chủ là 300.000.000 đồng, số tiền còn lại do chị T tự xoay sở, nhà đất vợ chồng đang ở là tài sản riêng của anh có trước khi cưới chị T, ngoài ra cha mẹ vợ có cho vợ chồng 02 phần đất diện tích 10m x dài 20m và 08m x 30m, cả 04 phần đất đều do vợ chồng cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh không biết chị T có mua sắm tài sản riêng gì không.

Anh không quen biết chị L, anh cũng không biết chị T nợ chị L bao nhiêu tiền, do chị L và chị T tự giao dịch góp hụi với nhau nên anh không đồng ý cùng chị T trả tiền hụi cho chị L.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.T phát biểu ý kiến:

1/Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2/*Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng*:

Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

3/Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Căn cứ Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị L, người đại diện hợp pháp của chị L, chị T và anh T là đương sự trong vụ án đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị L, chị T và anh T.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị T và chị L đều thừa nhận có giao dịch về hợp đồng góp hụi với nhau. Sau khi vỡ hụi, chị T không trả lại tiền góp hụi cho chị L là vi phạm về nghĩa vụ thanh toán nên chị L khởi kiện. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng góp hụi được quy định tại Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của chị L, chị T thống nhất sau khi vỡ hụi chị T còn nợ chị L tổng cộng tiền hụi là 10.675.000 đồng, trong đó bản án hình sự đã xử buộc chị T bồi thường cho chị L số tiền 2.920.000 đồng, còn lại 7.755.000 đồng đồng chị T tự nhận trách nhiệm trả, không yêu cầu anh T liên đới trả.

Xét việc anh T cho rằng anh không quen biết chị L, anh cũng không biết việc chị L có tham gia hụi do chị T làm chủ, nên anh không đồng ý trả cho chị L số tiền này, thấy rằng anh T và chị T chung sống vợ chồng từ năm 2002 đến nay chưa ly hôn, trong thời gian chung sống anh T cũng biết việc chị T làm chủ hụi, kinh doanh giày dép, vợ chồng cũng có mua tài sản và cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có số tiền chị T lừa đảo chiếm đoạt của các hụi viên nên đã bị xử lý hình sự.

Mặc dù chỉ có chị T giao dịch hụi với chị L nhưng số nợ này có trong thời kỳ hôn nhân, sử dụng vào mục đích kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, mua tài sản chung của vợ chồng, anh T không chứng minh được chị T dùng số tiền này để sử dụng vào mục đích khác, nên cần buộc anh T có nghĩa vụ cùng trả nợ cho chị L là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị L không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

*[4]*Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.T là có cơ sở chấp nhận.

*[5]*Chị T và anh T phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L.T.C.L đối với chị B.T.T và anh L.P.Đ.T về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*".

Buộc chị B.T.T và anh L.P.Đ.T có nghĩa vụ trả cho chị L.T.C.L số tiền hụi gốc là 7.755.000 đồng (bảy triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Ghi nhận chị L không yêu cầu chị T và anh T trả tiền lãi.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T, anh T không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng chị T, anh T còn phải trả cho chị L số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự: Chị B.T.T và anh L.P.Đ.T phải chịu 387.750 đồng (ba trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.T, tỉnh T.N hoàn trả cho chị L.T.C.L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012226 ngày 11 tháng 7 năm 2018.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự trong vụ án được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T.N để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện H.T;
- Chi cục THA DS huyện H.T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP (D).